

Số /QĐ-ĐHBK Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc tặng Giấy khen tập thể sinh viên đạt danh hiệu “Lớp Sinh viên Tiên tiến”
năm học 2024 – 2025.

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐTĐHBK ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Bách khoa về việc ban hành Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Bách Khoa – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 925/QĐ-ĐHBK-CTCT-SV ngày 20/4/2017 về việc ban hành Quy chế công tác sinh viên trường;

Căn cứ Công văn số 101/ĐHBK-CTSV ngày 14/04/2026 của Phòng Công tác sinh viên về việc khen thưởng danh hiệu sinh viên năm học 2024-2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tặng Giấy khen cho **88** tập thể lớp sinh viên đạt danh hiệu “Lớp Sinh viên Tiên tiến” năm học 2024 – 2025 (danh sách đính kèm).

TT	Khoa	Số lượng
1	Cơ khí	32
2	Kỹ thuật Địa chất và Dầu khí	01
3	Điện – Điện tử	07
4	Khoa học và Kỹ thuật Máy tính	08
5	Kỹ thuật Hóa học	03
6	Quản lý Công nghiệp	03
7	Kỹ thuật Xây dựng	16
8	Môi trường và Tài nguyên	03
9	Công nghệ Vật liệu	04
10	Khoa học Ứng dụng	05
11	Kỹ thuật Giao thông	06
Tổng cộng		88

Điều 2. Các Ông, Bà Trưởng phòng Công tác sinh viên, Trưởng các Khoa, Phòng liên quan và lớp sinh viên có tên ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu VT, CTSV.

HIỆU TRƯỞNG

Mai Thanh Phong

**DANH SÁCH TẬP THỂ LỚP SINH VIÊN ĐẠT DANH HIỆU
“LỚP SINH VIÊN TIÊN TIẾN” NĂM HỌC 2024-2025**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHBK ngày tháng năm 2026)

TT	Tên lớp	Khoa
1	BD21BDG3	Cơ khí
2	BD21BDG4	Cơ khí
3	BD21BDG5	Cơ khí
4	BD21BDG6	Cơ khí
5	CC21CK12	Cơ khí
6	CC21COD2	Cơ khí
7	CC21ROB2	Cơ khí
8	CC22ROB1	Cơ khí
9	CC23COD2	Cơ khí
10	CC23CK12	Cơ khí
11	CC24CK11	Cơ khí
12	CK21CK03	Cơ khí
13	CK21CK04	Cơ khí
14	CK21CK05	Cơ khí
15	CK21CK06	Cơ khí
16	CK21CK07	Cơ khí
17	CK21CK08	Cơ khí
18	CK22CDM	Cơ khí
19	CK22CDT2	Cơ khí
20	CK22CK01	Cơ khí
21	CK22CK02	Cơ khí
22	CK22CK05	Cơ khí
23	CK22CK06	Cơ khí
24	CK22CK07	Cơ khí
25	CK22CK09	Cơ khí
26	CK22CK10	Cơ khí
27	CK22DET	Cơ khí
28	CK23CK12	Cơ khí
29	CK23CK13	Cơ khí
30	CK23DET	Cơ khí
31	CK24CK12	Cơ khí
32	CK24CK13	Cơ khí
33	DC24DIA	Kỹ thuật Địa chất và Dầu khí
34	DD21DV1	Điện - Điện tử
35	DD21KTD3	Điện - Điện tử
36	DD22DVT4	Điện - Điện tử
37	DD23DTH2	Điện - Điện tử

TT	Tên lớp	Khoa
38	DD23DTH3	Điện - Điện tử
39	TN24KDI1	Điện - Điện tử
40	VP20NL	Điện - Điện tử
41	CC22KHM2	Khoa học và Kỹ thuật Máy tính
42	CC23KHM	Khoa học và Kỹ thuật Máy tính
43	CC23KTM1	Khoa học và Kỹ thuật Máy tính
44	CC23KTM2	Khoa học và Kỹ thuật Máy tính
45	CN23KHM1	Khoa học và Kỹ thuật Máy tính
46	MT21KH12	Khoa học và Kỹ thuật Máy tính
47	MT23KHM1	Khoa học và Kỹ thuật Máy tính
48	CC24KTM2	Khoa học và Kỹ thuật Máy tính
49	CC22HVC	Kỹ thuật Hóa học
50	CC23CSH2	Kỹ thuật Hóa học
51	HC22MTB	Kỹ thuật Hóa học
52	CC22QKD1	Quản lý Công nghiệp
53	QL21QKD	Quản lý Công nghiệp
54	CC24QCN2	Quản lý Công nghiệp
55	CC21KCQ2	Kỹ thuật Xây dựng
56	CC23KCQ1	Kỹ thuật Xây dựng
57	CC24XDG1	Kỹ thuật Xây dựng
58	VP20QN	Kỹ thuật Xây dựng
59	VP20XDC	Kỹ thuật Xây dựng
60	XD21CB1	Kỹ thuật Xây dựng
61	XD21DD3	Kỹ thuật Xây dựng
62	XD21VL	Kỹ thuật Xây dựng
63	XD22TDI	Kỹ thuật Xây dựng
64	XD23KTR	Kỹ thuật Xây dựng
65	XD23KTR2	Kỹ thuật Xây dựng
66	XD24KXD1	Kỹ thuật Xây dựng
67	XD24XDG1	Kỹ thuật Xây dựng
68	XD24XDG4	Kỹ thuật Xây dựng
69	XD24XDG5	Kỹ thuật Xây dựng
70	XD24XDG6	Kỹ thuật Xây dựng
71	MO22QM1	Môi trường và Tài nguyên
72	MO23KMT1	Môi trường và Tài nguyên
73	CC23KMT1	Môi trường và Tài nguyên
74	CC24VL11	Công nghệ Vật liệu
75	VL2201	Công nghệ Vật liệu
76	VP20PO	Công nghệ Vật liệu
77	VP23VVN	Công nghệ Vật liệu

TT	Tên lớp	Khoa
78	CC24KYS1	Khoa học Ứng dụng
79	CN23CKT1	Khoa học Ứng dụng
80	CN24CKT1	Khoa học Ứng dụng
81	UD24CKT1	Khoa học Ứng dụng
82	UD24VLY	Khoa học Ứng dụng
83	CC21HKG2	Kỹ thuật Giao thông
84	CC24KTO1	Kỹ thuật Giao thông
85	GT20THK1	Kỹ thuật Giao thông
86	GT20THK2	Kỹ thuật Giao thông
87	VP20HK	Kỹ thuật Giao thông
88	VP21HK	Kỹ thuật Giao thông